

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 7 – 2020

“V/v ly hôn giữa
Chị M và anh V”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Công Sét
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2+020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư Quách Thanh P của Văn phòng luật sư X thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, năm 1991 chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi và anh chị ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Chị M yêu cầu ly hôn anh V. Ngày 04-3-2020 Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn V (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

+ Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M1, sinh năm 1992; Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, cả hai con đã thành niên, tự đi làm nuôi sống bản thân, có cuộc sống ổn định, Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về chia tài sản: Chị M không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị M khai không có.

Luật sư Quách Thanh P phát biểu ý kiến, chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V sống chung như vợ chồng từ năm 1990 đến khi ly thân, anh chị sống chung nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận Chị M và anh V là vợ chồng; về nuôi con chung, anh chị có 02 con đã thành niên và có cuộc sống tự lập, Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng anh Nguyễn Văn V (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh V chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị không công nhận Chị M và anh V là vợ chồng; nuôi con chung, hai con đã thành niên, Chị M không có yêu cầu nên không đề cập; về chia tài sản không có nên không xem xét; về án phí, Chị M phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Chị M và anh V.

[2] Về nội dung:

[3] Năm 1990 chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: cả hai con Nguyễn Thị Tuyết M1, Nguyễn Văn T đã thành niên, Chị M không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập.

[5] Về chia tài sản chung: Chị M không yêu cầu chia tài sản, Tòa án không đề cập.

[6] Về nợ chung: ghi nhận Chị M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của Chị M và anh V thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M1, sinh năm 1992; Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, cả hai con đã thành niên và tự đi làm nuôi sống bản thân. Chị M không có yêu cầu về nuôi con chung, nên không đề cập.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận Chị M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của Chị M và anh V thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006472 ngày 20-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án DS H.Phú Tân;
- UBND xã H;
- Lưu.

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA